TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Trúc Linh.**

2/ Ông **Trần Văn Chiểu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Châu Thị Hồng T1**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hoàng T2**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 26/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Thị Hồng T1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng T2 thành hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/10/2019. Vợ

chồng sống chung hơn 03 năm, thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 02/2023 đến nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T2. Về con chung, thời gian chị và anh T2 sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Thị Khả H1, sinh ngày 20/02/2020 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/8/2023, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T2 trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T1 về thời gian thành hôn, con chung, tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn với chị T1, đồng ý để chị T1 tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Đồng thời, anh xin vắng mặt tại Tòa án các cấp và không khiếu nại về sau.

Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2023 bà Nguyễn Thị H2 (Mẹ ruột anh Nguyễn Hoàng T2) trình bày: Anh Nguyễn Hoàng T2 và chị Châu Thị Hồng T1 thành hôn năm 2019. Sau khi thành hôn vợ chồng đi thành phố làm thuê, đến năm 2022 trở về, chị T1 sống tại nhà cha mẹ ruột ở xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bà không biết vợ chồng anh T2 xảy ra mâu thuẫn gì. Về con chung của anh T2 và chị T1 là cháu Nguyễn Thị Khả H1 hiện đang sống chung với mẹ, cháu được chăm sóc tốt và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Châu Thị Hồng T1 được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T2.

- Về con chung: Giao con cháu Nguyễn Thị Khả H1, sinh ngày 20/02/2020 cho chị Châu Thị Hồng T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Hoàng T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị Hồng T1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Châu Thị Hồng T1 và bị đơn Nguyễn Hoàng T2 vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Châu Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Hoàng T2 thành hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 10/10/2019 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Châu Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Hoàng T2 có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chị T1 gửi đơn xin ly hôn, anh T2 nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và có ý kiến thống nhất yêu

cầu ly hôn của chị T1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Châu Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Hoàng T2 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Khả H1, sinh ngày 20/02/2020 hiện đang sống chung với chị T1, chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh T2 đồng ý để chị T1 tiếp tục nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định cuộc sống nên cần giao cháu Nguyễn Thị Khả H1, sinh ngày 20/02/2020 cho chị T1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Châu Thị Hồng T1 là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Châu Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Hoàng T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Châu Thị Hồng T1 phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Thị Hồng T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Châu Thị Hồng T1 được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Khả H1, sinh ngày 20/02/2020 cho chị Châu Thị Hồng T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng T2 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Châu Thị Hồng T1 có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004209 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị T1 đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 89/2019 ngày 10/10/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga